

## NGƯỜI TIÊN PHONG NGHIÊN CỨU NGHỀ CỦA VIỆT NAM: HENRI OGER (1885-1936?)<sup>(1)</sup>

**Pierre Huard<sup>(2)</sup>**

Henri-Joseph Oger sinh tại Montrevault, vùng Maine-et-Loire, ngày 31 tháng 10 năm 1885. Ông đỗ Tú tài (chuyên ban tiếng Latin, Hy Lạp, Triết học) loại khá năm 1905. Sau đó, ông đăng ký vào học trường Cao học Thực hành (khóa 4) và là sinh viên chính thức niên khóa 1906, theo học giáo sư Louis Finot.

Ông tình nguyện thực hiện nghĩa vụ quân sự hai năm ở Hà Nội (1907-1909). Sau đó, ông học ở Trường Thuộc địa (1909) và đứng thứ tư trong số 25 sinh viên tốt nghiệp cùng khóa.

Oger được cử làm viên chức hành chính dân sự tập sự của Đông Dương ngày 29 tháng 12 năm 1910 và được bổ nhiệm làm quan chức hành chính bậc 5 ngày 1 tháng 7 năm 1912. Ông trở về Pháp ngày 3 tháng 6 năm 1914. Đương thời, người ta nói ông là người thông thái, tài cao, học rộng và cực kỳ cần mẫn. Ông có bằng tiếng Việt và tiếng Trung Quốc.

Phải gia nhập quân đội sau khi chiến tranh nổ ra, vào ngày 17 tháng 6 năm 1915, ông được phục viên một năm. Bất chấp nhiều lần được nghị viện tiến cử và mong muốn được ở lại Pháp, ông vẫn phải trở lại Việt Nam. Ngày 18 tháng 6 năm 1919, ông được cho hồi hương vì mang bệnh, hậu quả của sự lao lực do phải gánh đôi trách nhiệm khoa học và quản lý mà vì nó ông đã phải nhiều lần vào bệnh viện.

Ông được hưởng quyền lợi theo chế độ hưu trí và với tư cách là thương binh, tính từ ngày 18 tháng 12 năm 1920, theo sắc lệnh ngày 27 tháng 1 năm 1922. Tính đến thời điểm này, ông đã có hai năm nghĩa vụ quân sự (1907-1909) và mười năm làm công tác dân sự (1910-1920). Có vẻ như ông đã lưu lại Tây Ban Nha từ tháng 2 năm 1932, thời điểm ông ở tại thành phố Barcelona. Năm 1936, ông mất tích.

Ông đã lấy vợ nhưng không rõ ngày cưới<sup>(3)</sup> và không có con. Vợ góa của ông sống tại số 5 đại lộ Libération ở Chantilly (vùng Oise) từ năm 1952. Bà mất ngày 28 tháng 12 năm 1954. Số tiền trợ cấp hưu trí của ông có thể đã được trả cho bà từ năm 1942.

Trong hồ sơ của ông chỉ có duy nhất một chi tiết ám chỉ những mối bận tâm phi hành chính: Nếu tin vào bài báo của nghị sĩ Georges Boussenot đăng trên tờ *Action*

*Quotidienne*, ngày 9 tháng 7 năm 1914, thì ông Henri Oger đã cho xuất bản một cuốn sách mỏng, trong đó ông đề xuất thành lập ở Đông Dương một văn phòng điều tra ngôn ngữ và thổ ngữ, tương tự văn phòng "Linguistical Survey" đang hoạt động ở Ấn Độ thuộc Anh.

Ngoài ra, ông dự định giám sát báo chí bản xứ và phản bác những cuốn sách chống đối của các lực lượng khác. Mặt khác, ở Pháp, ông lập ra *Ngôi nhà cho Mọi người* với mục đích "*tổng hợp giáo dục xã hội và công dân*". Quả thực, là học trò của hai giáo sư Sylvain Lévy và Louis Finot, học chữ Phạn ở Trường Quốc học Pháp và Trường Cao học Thực hành, đồng thời cũng chịu nhiều ảnh hưởng của Trường Xã hội học Anh và Trường Khoa học Xã hội Paris, Oger đã làm được nhiều hơn thế: thực sự, ông là một nhà khoa học đã biết dựa vào quân đội và chính quyền để thỏa mãn trí tò mò vô bờ bến trong mọi lĩnh vực, từ ngôn ngữ đến văn học, khác hẳn với người Việt Nam cũng như người châu Âu sống tại Việt Nam.

Niêm khát khao khoa học này được thể hiện rất đa dạng trong nhiều đề án nghiên cứu đã được khởi xướng nhưng rồi đều bị bỏ lỡ. Đề án quan trọng nhất (và cũng đủ để làm rõ cá tính của ông) là nghiên cứu, trên thực địa, về nền văn minh vật chất của người Việt Nam và các khía cạnh xã hội học của nó, một lĩnh vực còn rất ít được khai thác, đến nỗi ông Oger tự phụ cho rằng công trình của mình "*chưa từng có ai tiến hành ở Đông Dương*". Ông xuất phát từ căn nguyên rất đúng là hiện trạng của các nghiên cứu Hán-Việt "*đòi hỏi trước hết phải xây dựng danh mục rộng lớn và có sự kiểm kê*".

Oger cho rằng, từ khi chinh phục quốc gia này, "*ở Việt Nam có quá nhiều từ điển nhưng quá ít điều tra về chữ viết thực sự có tính xã hội học cũng như dân tộc học*".

Do vậy, ông dự định:

a- Lập bảng từ vựng kỹ thuật nghề.

b- Nghiên cứu hình họa các dụng cụ và đồ nghề nổi tiếng cũng như các thao tác cho biết cách sử dụng chúng.

c- Chuyên khảo về các gia đình người Việt Nam (thợ đóng giày, người bán hàng

<sup>(1)</sup>. Bài đăng trong Niên san của Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp (*Bulletin de l'École française d'Extrême-Orient*) LVII, 1970, tr. 215-217.

<sup>(2)</sup>. Cảm ơn ông C. Laroche, phụ trách lưu trữ quốc gia vùng Hải ngoại đã cung cấp cho tôi tư liệu về hồ sơ hành chính của ông Henri Oger.

<sup>(3)</sup>. Thực tế là ngày 16 tháng 4 năm 1922 (ghi chú của ban biên soạn).

khô, người buôn giấy, người thông ngôn...), để thấy rõ ngân sách chi tiết, cách thức sinh hoạt, cách ăn, cách mặc của họ... dưới sự chỉ đạo của Le Play và Tourville.

d- Cho xuất bản kết quả thu được.

Dẫn theo một thợ vẽ người Việt, ông Oger đi khắp các phố phường Hà Nội, ghi chép mọi khía cạnh của cuộc sống riêng tư và cộng đồng, của nghề buôn, của công nghiệp và các kỹ thuật của người dân miền Bắc Việt Nam. Hơn 4.000 tài liệu đã được thu thập, bao gồm những mô tả các công cụ, đồ nghề, thao tác thủ công cùng với những ký họa và thuật ngữ kỹ thuật tương ứng.

Một vài bài viết đăng trên hai tờ báo *Dépêche Coloniale* (Tin nhanh Thuộc địa) và *Avenir du Tonkin* (Tương lai Bắc Kỳ) đã đưa ra ý tưởng xuất bản công trình của ông. Thế nhưng, không một nhà in nào ở Hà Nội vào thời kỳ đó kiêm nhiệm được vai trò nhà xuất bản và cũng không có sự trợ giúp chính thức nào được đặt ra. Nhưng không hề chi, người lính bình nhì Oger lúc đó mới vừa qua tuổi 20, không hề nao núng. Ông được hai mươi người tốt bụng ủng hộ khoản tiền 200 đồng bạc, nhờ đó ông đã tuyển được 30 thợ khắc gỗ ứng tác trong hai xưởng đặt tại chùa Vũ Thạch.

Sau vô số khó khăn (nhất là việc không thể đưa các ván khắc vào dưới trực lăn của máy in), giữa mùa hè oi bức, người ta phải dùng đến kỹ thuật của Trung Quốc và Việt Nam, tức là dùng nùi đậm những tờ giấy bản do thợ giấy làng Bưởi làm ra lên ván khắc gỗ.

Trong khuôn khổ chương trình "Lưu trữ tư liệu nghệ thuật học, dân tộc học, xã hội học của Trung Quốc và Đông Dương", bản nhập môn kiến thức *Nghiên cứu về kỹ thuật của người An Nam* đã được in ra như thế.

Sách gồm hai tập, một tập gồm bản văn khổ bốn mươi với 33 tranh khắc; một tập là album 700 trang khổ đôi (65 x 42), gồm 4.000 hình vẽ và bản khắc gỗ. Công trình này có lẽ được hoàn thành vào năm 1909 và được nhà xuất bản Geuthner ở 68 phố Mazarine (Q. 6) và Jouve et Cie, 15 phố Racine (Q. 6) ấn hành, không ghi rõ thời gian.

Tác phẩm này đã được in tại Việt Nam nhưng không bị bắt phải nộp lưu chiểu và không có bản nào được nộp vào Thư viện Quốc gia. Thật không tưởng tượng được, tôi không thể tìm thấy bản nào của công trình này trong các thư viện Paris.

Với sự thông cảm của chính quyền Việt Nam, tôi đã có được bản sao của ấn bản mang số hiệu 10511 thuộc thư viện chính phủ Nam Kỳ cũ. Nhờ bản chụp phim của hiệu Thai Thực Hổ ở Sài Gòn, Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp, với sự giúp đỡ của phòng chụp phim ở trung tâm tư liệu thuộc Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Quốc gia, đã phục hồi được công trình cho đến nay không thể tìm thấy được.

Công trình chỉ thể hiện bước đầu của một cuộc điều tra rộng lớn mà tiếc thay, đã không được tiếp tục.

Được soạn thảo trong tinh thần hồn vía kỹ thuật và sẵn sàng coi thường việc phổ cập, sự ra đời của tác phẩm này đã không được hưởng bất kỳ sự tán thưởng nào từ phía công chúng chính quốc cũng như công chúng Việt Nam, những người quan tâm trước hết tới triết học, khảo cổ học và văn học dân gian. Bản thân tác giả cũng phải cam chịu rằng linh hồn được tác phẩm này "*chỉ có hai đến ba giáo sĩ già từng sống cuộc sống của người An Nam.*"

Đến nay, công trình xứng đáng được đánh giá và nghiên cứu lại bởi lý do. Trước tiên, công trình xác lập lòng tin vào giá trị thực tại của việc nghiên cứu và hành vi tự nguyện của một nhà nghiên cứu trẻ làm việc giữa không khí lanh đạm và thù địch. Thứ nữa, và đặc biệt, bởi vì, tốt hơn những tấm ảnh, công trình này đã định hình số lượng các thao tác và các kỹ thuật mà quá trình phát triển của lịch sử đã làm cho chúng hoàn toàn biến mất ở Việt Nam ngày nay.

